



Dữ liệu thị trường ngày 22/09/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.816,93	276,93
Thay đổi (điểm)	17,26	2,55
Thay đổi (%)	0,96	0,93
KLGD (triệu cp)	539	43
GTGD (tỷ đồng)	12.988	650
NDT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	54,95	(tỷ đồng)
HNX	4,74	(tỷ đồng)
UPCOM	6,44	(tỷ đồng)



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

- Ảnh hưởng tích cực:**
VIC, VHM, MSN, GEE,...
- Ảnh hưởng tiêu cực:**
SSB, VPB, ACB, VJC,...

DÒNG TIỀN THẬN TRỌNG - VNINDEX PHỤC HỒI TRÊN 1.800 ĐIỂM

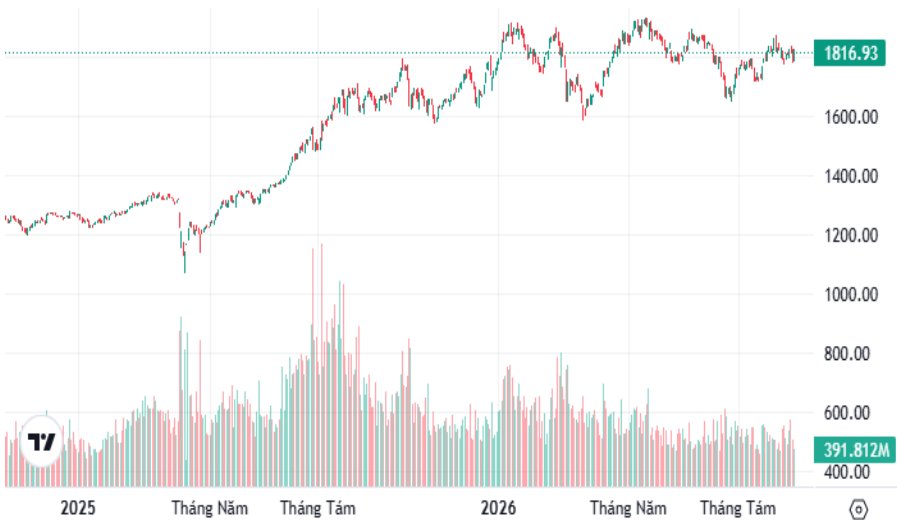
Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên giao dịch ngày 22/9 ghi nhận sự phục hồi tích cực sau nhịp rung lắc khi lực cầu gia tăng tại các cổ phiếu trụ cột. Phe mua chiếm ưu thế trên toàn thị trường với 335 mã tăng so với 277 mã giảm. Bất động sản (+2.82%) bứt phá, trở thành ngành dẫn đầu đà phục hồi và là trụ đỡ lớn nhất giúp VN-Index lấy lại sắc xanh nhờ VIC (+3,74%) và VHM (+1,91%) đóng góp lần lượt 14,6 điểm và 2,25 điểm. Tiêu dùng thiết yếu (+0,84%) và Nguyên vật liệu (+0,93%) cũng đóng góp tích cực nhờ đà tăng của các mã đầu ngành như MCH (+0,28%), VNM (+1,49%), MSN (+3,84%), HPG (+0,24%). Năng lượng (-0,34%) hạ nhiệt sau chuỗi phiên tăng khi giá dầu thế giới giảm trong bối cảnh ngoại giao Mỹ - Iran có tiến triển và nguồn cung dầu Saudi Arabia dần phục hồi. Tài chính (-0,13%) chịu áp lực điều chỉnh nhẹ và phân hóa nội bộ khi dòng tiền quay lại nhóm Chứng khoán với các mã VCK (+0,35%), VPX (+3,77%), VIX (+1,95%). Ngược lại, nhóm Ngân hàng bị chốt lời, tiêu biểu là các mã CTG (-0,16%), VPB (-1,58%). Kết phiên, VN-Index tăng +17,26 điểm (+0,96%), đóng cửa ở mốc 1.816,93 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường khi đạt 12.988 tỷ đồng, giảm 25% so với hôm qua, phản ánh tâm lý thận trọng và chủ động chậm lại của cả phe mua lẫn phe bán sau nhịp rung lắc ngắn hạn, đồng thời cho thấy áp lực bán chốt lời diện rộng đã giảm bớt, tạo điều kiện cho thị trường cân bằng lại. Khối ngoại mua ròng nhẹ với tổng giá trị mua ròng đạt 66,13 tỷ đồng, tập trung mua mạnh ở các mã như SBT (131 tỷ đồng), MCH (68 tỷ đồng), VIC (50 tỷ đồng). Trái lại, các mã được bán ra mạnh nhất là TCB (87 tỷ đồng), VHM (54 tỷ đồng), VPB (50 tỷ đồng).

Nhà đầu tư nên tiếp tục duy trì tỷ trọng cổ phiếu hợp lý, gia tăng tỷ trọng ở các nhóm ngành thu hút dòng tiền chủ động mạnh và tránh tâm lý mua đuổi khi cổ phiếu đã tiệm cận vùng kháng cự cao.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, CTG, DHC, SSI, VPB, GMD, MBB, BMP.



Danh sách khuyến nghị tháng 09.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	80.500	70.200
CTG	34.200	30.000
DHC	39.500	34.100
SSI	23.000	20.100
VPB	30.200	26.700
GMD	85.000	74.500
MBB	22.500	19.700
BMP	156.000	138.000

Danh sách công bố ngày 04/09/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THÁNG 06.2026:

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
VPL	18/08/2026	~75.200	~80.000-84.000	<68.000			+14,23%	Nắm giữ
NT2	22/07/2026	~21.500	~22.500-24.000	<20.500	20.500	03/09/2026	-4,65%	Cắt lỗ
GMD	03/07/2026	~74.000	~82.000-87.000	<68.000	82.000	10/08/2026	+10,81%	Chốt lãi
NLG	17/6/2026	~27.600	~32.000-35.000	<24.500	23.700	20/07/2026	-14,13%	Cắt lỗ
DXG	16/6/2026	~13.150	~15.000-16.000	<11.000	11.350	20/07/2026	-13,69%	Cắt lỗ
GEX	12/6/2026	~30.500	~36.000-45.000	<27.000	26.000	13/07/2026	-14,75%	Cắt lỗ
SAB(*)	11/6/2026	~45.750	~49.000-54.000	<42.000	45.000	03/09/2026	-1,64%	Cắt lỗ
VCK	9/6/2026	~33.500	~35.000-38.000	<31.5000	31.250	17/07/2026	-6,72%	Cắt lỗ
VJC(**)	5/6/2026	~133,850	~142.310-169.230	<111.540			-6,61%	Nắm giữ
MWG	4/6/2026	~75.000-78.500	~85.000-95.000	<74.000	70.600	22/07/2026	-9,72%	Cắt lỗ

Lưu ý: Trạng thái và Giá bán (nếu có) sẽ được cập nhật hàng ngày tại Bản tin thị trường hàng ngày.

(*): Chỉ báo MACD cho tín hiệu mua vào ngày 10/06/2026 (Giá mua dùng để tính toán của MWG lấy tại mức giá đóng cửa là 78.200 tại ngày 10/06/2026).

(**): Các giá đã được điều chỉnh theo thông tin VJC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:30.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 09.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- Mảng ĐMX, Doanh thu 7T tăng trưởng 29% YoY (6T2026: +31% yoy), tốc độ tăng trưởng chậm lại sau nền cao nửa đầu năm, áp lực từ giá sản phẩm công nghệ cao và môi trường lãi suất cao hơn có thể hạn chế doanh thu từ bán hàng trả góp (7T: +47% YoY), tuy nhiên được bù đắp phần nào từ tăng trưởng từ Erablue, Thợ ĐMX. Mảng BHX: doanh thu 7T tăng 28% YoY và tính đến cuối tháng 8 đã mở được 1000 cửa hàng, đạt kế hoạch năm. An Khang hướng đến lợi nhuận dương 2026.	04/09/2026	73.100	80.500	70.200	10,1%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng cuối T7 đạt 5,6% YTD. Tín dụng có chọn lọc, tập trung các lĩnh vực sản xuất, bán lẻ, bán buôn, hộ gia đình, tỷ trọng bds giảm còn 19,2% so với 20% vào đầu năm. Định giá hấp dẫn với ROE >20% và P/B fw 1,2 lần.	04/09/2026	31.400	34.200	30.000	8,9%
DHC	- KQKD Q2, doanh thu tăng 8% QoQ và 19% YoY, LNST tăng 29% QoQ và 114% YoY. KQKD tích cực nhờ (1) giấy carton công nghiệp với giá bán tăng 16%, và sản lượng 78,5 nghìn tấn, đạt công suất tối đa; (2) giấy bao bì với giá bán tăng 10% và sản lượng tăng 16%, đạt 29 triệu sản phẩm. Nhà máy giấy bao bì và giấy công nghiệp đều đã đạt 100% công suất.	04/09/2026	35.700	39.500	34.100	10,6%
SSI	- KQKD 6T2026, doanh thu 6,5 nghìn tỷ đồng (+26% YoY) và LNTT 3,1 nghìn tỷ đồng (+39% YoY). Động lực chính đến từ đầu tư FVTPL, với lợi suất 8%, nhờ danh mục thiên về tài sản thu nhập cố định. Doanh thu margin tăng 47%, dư nợ đạt 40,5 nghìn tỷ đồng, biên lãi chịu áp lực do chi phí vốn tăng. Doanh thu môi giới tăng 35% nhờ thị phần cải thiện lên 10,6%.	04/09/2026	21.050	23.000	20.100	9,3%
VPB	- Ngày 30/07, HĐQT đã thông qua phương án tăng vốn, các mốc kế tiếp là NHNN và UBCK chấp thuận, kỳ vọng VPB thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu vào cuối T9-T10 2026 và thông tin về phát hành riêng lẻ cuối Q4-đầu Q1. 2027. Chất lượng tài sản cải thiện trong Q2, nợ xấu Q2 còn 3,28% so với 3,58% Q1, tỷ lệ bao nợ xấu tăng lên 56,2% so với 52,7% Q1.	04/09/2026	27.800	30.200	26.700	8,6%
GMD	- KQKD Q2, Doanh thu tăng 18% YoY và LNST tăng 168% YoY. Trong đó, LNST cốt lõi đạt 646 tỷ đồng, +55% YoY và thu nhập bất thường 487 tỷ đồng từ thoái vốn CJ Gemadept. Doanh thu Cảng Q2 1.468 tỷ đồng (+14% QoQ, +12% YoY). Doanh thu logistics Q2 294 tỷ (+73% QoQ, +59% YoY). Sản lượng Gemalink Q2 tăng 10% QoQ và 26% YoY, đạt 577.000 Teus.	04/09/2026	77.400	85.000	74.500	9,8%
MBB	- KQKD Q2, LNTT đạt 10,6 nghìn tỷ (+40% YoY). Tăng trưởng tín dụng 13,2%, tổng huy động +8% YTD (bao gồm giấy tờ có giá). NIM cải thiện (+0,35% so với quý 1), nợ xấu 1,45% so với 1,48% Q1, bao phủ nợ xấu 93,6% so với 95% Q1.	04/09/2026	20.550	22.500	19.700	9,5%
BMP	- KQKD Q2, Doanh thu -9% QoQ và +1% YoY. LNST +21% QoQ và +11% YoY, nhờ giá bán ống PVC tăng 15% từ tháng 4. Sản lượng Q2 giảm do giảm chiết khấu và khách hàng trì hoãn mua. BMP đã tích lũy lượng lớn tồn kho khi giá PVC giảm.	04/09/2026	143.000	156.000	138.000	9,1%

***Danh mục T09.2026 so với T08.2026, chúng tôi loại POW, trong khi thêm mới DHC và giữ nguyên MWG, CTG, MBB, VPB, SSI, GMD, BMP.** Thị trường chứng khoán tháng 8 ghi nhận sự hồi phục kể từ cuối tháng 8, khi FTSE công bố danh sách FTSE GEIS và tỷ trọng cổ phiếu VN trong danh mục FTSE Emerging All Cap từ 0,33% lên mức 0,49%, điều này đã góp phần thúc đẩy khối ngoại mua ròng trở lại, với 6/8 phiên mua ròng kể từ 21/8-4/9. Đối với danh mục tháng 9, chúng tôi loại POW do nhận thấy động lượng giá cổ phiếu trong ngắn hạn của POW có lẽ cần tích lũy thêm, trong khi về triển vọng trung dài hạn khả quan, các nhà máy nhiệt điện than, NT2 được huy động ở mức cao và đóng góp mới từ nhà máy NT3&4, ước tính tiêu thụ điện cả nước tăng trưởng 12% YoY trong tháng 7 và 8, so với nền tăng trưởng 8T khoảng 10%. Thêm mới DHC, tăng trưởng tích cực KQKD nhờ giá giấy carton tăng, công suất nhà máy giấy công nghiệp vận hành tối đa từ 2020 (320 nghìn tấn/năm), trong khi nhà máy giấy bao bì đạt 100% công suất từ Q2.2026 (120tr sản phẩm/năm), giá giấy phế liệu OCC đầu vào có khả năng tăng nhẹ trong Q3+Q4 và làm thu hẹp biên lợi nhuận, nhưng kỳ vọng được bù đắp bởi nhiều nhà máy Trung Quốc bảo trì, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu của TQ tăng và nguồn cung trong nước của VN giảm từ đó thúc đẩy giá thành phẩm, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy tháng 8 của VN tăng 20,4% yoy (8T: +16,4%). Nhóm ngân hàng, các cổ phiếu vẫn là CTG, MBB, VPB. Với CTG, tăng trưởng tín dụng chọn lọc, ROE trên 20%, khả năng kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ, và định giá hấp dẫn nhất trong nhóm quốc doanh CTG, BID, VCB. Với MBB, ngân hàng đầu tiên tăng vốn thành công, ước tính vốn điều lệ đạt 100k tỷ khi đạt mua phát hành thêm kết thúc vào 7/9, tỷ lệ CASA thuộc top đầu ngành và hoạt động cho vay đa dạng ở nhiều lĩnh vực. Với VPB, kỳ vọng tháng 10 hoàn tất tăng vốn thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu, tăng trưởng tín dụng 25% trong khi vẫn kiểm soát chất lượng tài sản tốt dù bối cảnh lãi suất cao, chúng tôi cho rằng khi nền kinh tế tăng trưởng vững vàng và môi trường lãi suất hạ nhiệt thì VPB là ngân hàng có sức bật tốt nhất trong nhóm ngân hàng top đầu. Đối với MWG, mảng ĐMX tăng trưởng chậm lại trong nửa cuối 2026 do mức nền cao trước đó, tuy nhiên các mảng bao gồm Erablue, Thợ Điện máy xanh, doanh thu trả góp, và tăng trưởng tự nhiên về nhu cầu nâng cấp thiết bị kỳ vọng giúp ĐMX tăng trưởng vững ở một nền thấp hơn so với 2026, trong khi BHX cho thấy đóng góp nhiều hơn vào lợi nhuận từ 2027. Hoạt động xuất nhập khẩu cả nước tăng tốc tháng 7 và 8, với tháng 8 tổng kim ngạch tăng 31,7% yoy, và kỳ vọng GMD thêm 2-3 tuyến dịch vụ trong nửa sau 2026 giúp GMD tiếp tục là lựa chọn trong danh mục. Về chiến lược, tương tự như đề cập ở **Danh mục tháng 8** chúng tôi cho rằng Vnindex tiếp tục xây nền với biên độ giao dịch khá rộng do những yếu tố như môi trường lãi suất cao, cuộc họp FED 17/9, Mỹ công bố CPI 14/9, và nâng hạng chứng khoán VN ngày 21/9. Lối kết, chúng tôi nhấn mạnh sự kiện ngày 3/11 Mỹ có cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, thống kê S&P500 từ năm 1970 đến nay, thị trường chứng khoán Mỹ thường biến động mạnh trong khoảng 4 tháng trước bầu cử, và dù kết quả bầu cử thế nào thì chỉ số này cũng tăng với mức bình quân 10-16% trong 4 tháng sau bầu cử, khi giới đầu tư kỳ vọng cán cân chính trị & kinh tế của Mỹ cân bằng hơn.

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

HĐND TP.HCM đã thông qua 24 nghị quyết cụ thể hóa Luật Phát triển đô thị, dự kiến có hiệu lực từ 1/10/2026, cùng 14 nghị quyết khác. Khung pháp lý mới tập trung vào không gian ngầm, mô hình TOD, hạ tầng giao thông và phân cấp quản lý, với mục tiêu rút ngắn thủ tục và khơi thông nguồn lực đầu tư. Thành phố định hướng kết nối liên hoàn các công trình ngầm với metro, khai thác không gian quanh các nhà ga và phát triển các dự án lớn tại khu vực trung tâm. Luật cũng tăng phân quyền cho TP.HCM, hợp nhất quy hoạch và dự kiến cắt giảm khoảng 1/3 thủ tục hành chính. Các nghị quyết còn bao phủ tài chính, giáo dục, an sinh, môi trường và ngân sách. Trọng tâm tiếp theo là nhanh chóng đưa chính sách vào thực tiễn, hoàn thiện quy hoạch TOD và thu hút nhà đầu tư chiến lược.

Đàm phán Hiệp định thương mại đối ứng Việt - Mỹ đạt nhiều tiến bộ và đang tiến gần kết quả cuối cùng, theo Trưởng Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer ngày 21/9. Hai bên đã thống nhất cao về nhiều nội dung, gồm rào cản phi thuế quan, thương mại số, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, phát triển bền vững và chuỗi cung ứng. Năm 2025, thương mại song phương đạt khoảng 172,5 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu hơn 153 tỷ USD sang Mỹ. Trong 8 tháng 2026, kim ngạch đạt kỷ lục 137,4 tỷ USD, tăng trưởng hai chiều; Việt Nam xuất khẩu 122 tỷ USD (+23,2%), nhập khẩu 15,4 tỷ USD (+26,8%). Việt Nam tiếp tục thúc đẩy cân bằng thương mại và thu hút doanh nghiệp Mỹ đầu tư.

VIC: UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 19/9/2026 quyết định đóng cửa mỏ sắt Thạch Khê rộng 527 ha, nhằm xác nhận trữ lượng, khối lượng đã khai thác và bàn giao khu vực cho cơ quan có thẩm quyền quản lý. Mỏ có trữ lượng khoảng 544 triệu tấn, từng được TIC cấp phép với tổng vốn đầu tư ban đầu gần 14.500 tỷ đồng, nhưng dự án đình trệ nhiều năm và bị chấm dứt hoạt động vào tháng 7/2026. Việc đóng cửa mỏ được thực hiện theo định hướng của Bộ Chính trị và Chính phủ về tiếp tục nghiên cứu phát huy giá trị Thạch Khê. Đáng chú ý, VinMetal Hà Tĩnh thuộc Vingroup đã nộp hồ sơ đề nghị khai thác mỏ; thời gian tiếp nhận hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư kéo dài 8 ngày từ 17/9. Hòa Phát cũng từng đề xuất tham gia tái cơ cấu dự án.

PNJ: Bà Trần Phương Ngọc Hà, con gái Chủ tịch PNJ Cao Thị Ngọc Dung, đã bán toàn bộ 18 triệu cổ phiếu PNJ trong ngày 11-18/9, ước thu khoảng 662 tỷ đồng, còn sở hữu 0,08%. Trước đó, bà Trần Phương Ngọc Thảo cũng bán 7 triệu cổ phiếu, thu khoảng 259 tỷ đồng. Sau hai giao dịch, tỷ lệ sở hữu của nhóm gia đình bà Dung giảm còn khoảng 11,25%.

NVL: Novaland (NVL) dự kiến chào bán gần 800,7 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá 10.000 đồng/cp, tỷ lệ quyền mua 3:1, huy động gần 8.007 tỷ đồng. Thời gian đăng ký mua từ 8/10-29/10/2026, quyền mua được chuyển nhượng đến 26/10. Nguồn vốn chủ yếu dùng để thanh toán nợ, nghĩa vụ tài chính và các khoản phải trả quá hạn, trong đó góp tối đa 916 tỷ đồng vào Nova Saigon Royal và 1.137 tỷ đồng vào No Va Thảo Điền. Nếu thành công, vốn điều lệ NVL tăng từ 24.020 tỷ lên hơn 32.027 tỷ đồng. Đây là phương án đầu tiên trong kế hoạch tăng vốn gồm thêm phát hành riêng lẻ tối đa 800 triệu cổ phiếu và hơn 111,7 triệu cổ phiếu ESOP.

DGW: Digiworld (DGW) chốt danh sách ngày 6/10/2026 để tạm ứng cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền mặt, tỷ lệ 10%, tương đương 1.000 đồng/cp. Với 223,5 triệu cổ phiếu lưu hành, công ty dự kiến chi 223,5 tỷ đồng, thanh toán ngày 16/10. HĐQT đã thông qua tổng cổ tức năm 2026 30%, trong đó còn 2 đợt 10% vào quý I và II/2027, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

HDG: nhận chuyển nhượng cổ phần, nâng sở hữu lên 100% tại Điện gió Bình Gia, công suất 80 MW, vốn đầu tư 3.000 tỷ đồng. Cùng Phước Hữu, hai dự án dự kiến bổ sung 130 MW công suất cho HDG.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 – 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 – 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 04+05+06.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 – 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 (*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 – 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 – 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 07.2026

[Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026](#) (*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.

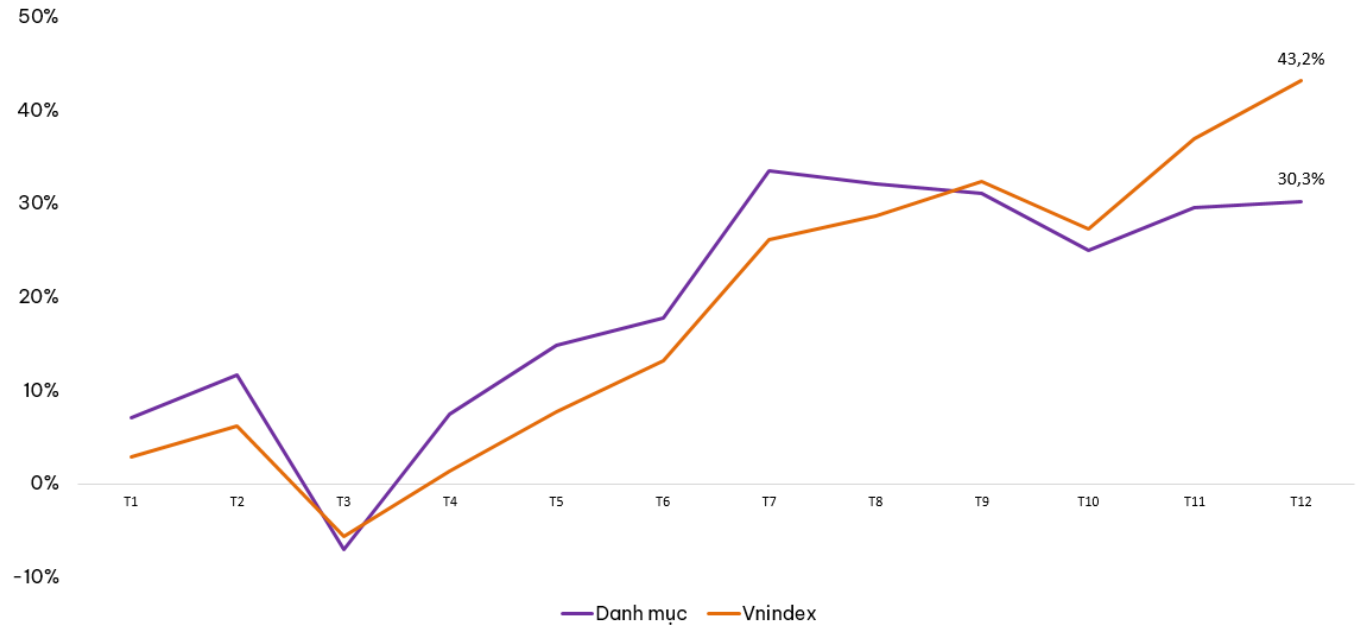
Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4,15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		-4,39%

[Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026](#) (*) SSI và MBB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	10/08/2026	73.000	04/09/2026	73.100	0,14%	71.200-75.900	
CTG	10/08/2026	32.800	04/09/2026	31.400	-4,27%	30.900-32.800	
POW	10/08/2026	13.850	04/09/2026	12.850	-7,22%	12.800-13.900	
SSI*	10/08/2026	25.100	04/09/2026	21.050	4,42%	19.400-21.750	
VPB	10/08/2026	25.850	04/09/2026	27.800	7,54%	24.500-27.900	
GMD	10/08/2026	78.200	04/09/2026	77.400	-1,02%	76.400-81.300	
MBB*	10/08/2026	24.250	04/09/2026	20.550	1,73%	19.850-21.200	
BMP	10/08/2026	148.800	04/09/2026	143.000	-3,90%	142.800-150.900	
VNINDEX	10/08/2026	1.776,8	04/09/2026	1.853,1	4,29%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-0,32%		

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.